

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B - TP. HÀ NỘI**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:141/2021/HS-ST

Ngày 23/12/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B- THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Trương Văn Kế**

- Ông **Nguyễn Xuân Thuật**

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Phương, Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát huyện B: Bà Đào Thanh Huyền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B. Toà án nhân dân huyện B đưa ra xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:128/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2021/QĐXXST- HS ngày 07/12/2021 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Hữu A, sinh năm: 1990, Nơi cư trú: Thôn Hạc Sơn, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1954; Con bà: Đinh Thị M, sinh năm: 1970; Vợ: Phạm Thị H (đã ly hôn); Con có 1 con, sinh năm 2012; Tiền án: 01 tiền án: Bản án số 10/2019/HSST ngày 23/3/2019 của Toà án nhân dân huyện B xử phạt A 20 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã nộp tiền án phí, chưa chấp hành khoản bồi thường dân sự. Bị can ra trại ngày 16/01/2021. Tiền sự: Quyết định số 14/2018/QĐ-TA ngày 18/10/2018 của Toà án nhân dân huyện B về việc

áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với thời hạn 20 tháng. Đang chấp hành Quyết định số 14 thì A bị bắt đi thi hành án phạt 20 tháng của bản án số 10/2019/HSST ngày 23/3/2019; Quyết định số 02 ngày 20/03/2018 của Công an xã Vật Lại xử phạt A 3.000.000đ về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Trộm cắp tài sản. A chưa chấp hành tiền phạt; Quyết định số 01 ngày 17/09/2018 của Công an xã C xử phạt A 1.000.000đ về hành vi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản. A chưa chấp hành tiền phạt.

Nhân thân: Quyết định số: 4447 - QĐ/UB ngày 23/8/2005 của UBND huyện B về việc áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với Nguyễn Hữu A thời hạn 24 tháng.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/8/2021, tạm giam từ ngày 14/8/2021 đến nay. Bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 1- Công an thành phố Hà Nội. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho Nguyễn Hữu A:** Bà **Đàm Thị H**, Trợ giúp viên pháp lý TTTGPL số 10 Hà Nội.

2. Phùng Văn D, sinh năm: 1997, Nơi cư trú: Thôn P Khê, xã Phú P, huyện B, Hà Nội; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phùng Văn M, sinh năm: 1966; Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1968; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự; Không. Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Lê Hải P, sinh năm: 2002;

Nơi cư trú: Thôn P Khê, xã Phú P, huyện B, thành phố Hà Nội.

2. Anh Lê Duy H, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Thôn P Châu, xã Phú P, huyện B, thành phố Hà Nội.

(Anh P, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được thể hiện như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 07/08/2021, Nguyễn Hữu A đang ở nhà cùng với Lê Hải P thì nhận được điện thoại của Phùng Văn D. D hỏi A có ma túy thì bán cho D 1.000.000đ nhưng A nói chỉ còn một ít nên bán cho D với giá 300.000đ thì D đồng ý và bảo A ra sân bóng thôn Hạc Sơn, xã C, huyện B để đón D. Trước đó, vào khoảng 5 giờ cùng ngày, A gọi điện thoại hỏi mua ma túy của một người phụ nữ tên Thuỷ thì người này đồng ý và bảo A ra bên xe Sơn Tây sẽ có người mang ma túy cho A. Sau đó, một người đàn ông mang đến bán cho A ma túy với giá 500.000đ.

Sau khi thoả thuận với A xong, D đi bộ từ nhà đến chỗ hẹn và gọi điện thoại cho A ra đón thì A nhờ P nên P lấy xe máy BKS: 29V3 - 246.04 đi đón D. Lúc này, A lấy 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy “đá” ra để trên giường và lấy một ít ma túy cho vào “coóng” để sử dụng. Sau đó, A cất túi ma túy vào trong túi quần phía trước bên phải A đang mặc. Khoảng 05 phút sau, D và P về đến nhà A, cả ba người đứng nói chuyện ở sân được một lúc thì A bảo P và D đi vào phòng ngủ nhà A ngồi nói chuyện do cạnh nhà A có đám giỗ. Khi vào phòng, D và P thấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy “đá” vẫn để trên giường, trong “coóng” thủy tinh còn một ít ma túy “đá” của A chưa sử dụng hết nên tự đến lấy sử dụng. Do đang gỡ dây loa nên A không biết việc D và P sử dụng ma túy của mình. Sau đó, P đi ra ngoài sân chơi còn D bảo A bán ma túy “đá” cho D để D đi về. A thấy D cầm nhiều tiền trên tay phải nên hỏi D cho A vay tiền thì D đồng ý cho A vay 700.000đ đồng thời trả A 300.000đ tiền mua ma túy, tổng cộng D đưa cho A số tiền: 1.000.000đ. Sau khi bán ma túy cho D, A nhờ P lấy xe máy đưa D ra sân bóng để D đi về. Khi đi đến đoạn đường gần trường THCS xã C thì gặp tổ công tác công an xã C đang đi tuần tra yêu cầu dừng xe kiểm tra. Do hoảng sợ, D đã ném túi ma túy xuống đất ngay cạnh chỗ D đứng nhưng bị lực lượng công an phát hiện và thu giữ.

Tại bản kết luận giám định số: 6296/KLGD-PC09 ngày 15/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận:

"Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilông màu trắng (thu giữ của Phùng Văn D) là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng: 0,174 gam".

Ngoài ra, D còn khai nhận vào khoảng 21 giờ ngày 05/08/2021, D mua được của A một gói ma túy “đá” với giá 200.000 đồng tại sân bóng thôn Hạc Sơn, xã C và đã sử dụng hết. Do việc mua bán ma túy không có ai chứng kiến, qua đối chất, A không thừa nhận việc đã bán 01 gói ma túy đá với giá 200.000đ cho D vào ngày 05/08/2021 nên không có căn cứ để xử lý A về hành vi trên.

Đối với Lê Hải P là người giúp A chở D đến gặp A mua bán ma túy song P không biết việc A cất giấu ma túy, không biết việc giao dịch mua bán ma túy cụ thể giữa A và D, không được hưởng lợi ích vật chất gì từ việc chở D. Do đó, CQĐT không đề cập xử lý. Tuy nhiên, xét nghiệm tìm chất ma túy trong nước tiểu đối với Lê Hải P cho kết quả D tính với ma túy nên Công an huyện B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với P về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” bằng hình thức phạt “*cảnh cáo*”, đồng thời thông báo về địa phương để theo dõi, quản lý.

Đối với việc P và D sử dụng ma túy tại nhà A, mặc dù số ma túy trên là của A song mục đích A mang ma túy ra là để sử dụng cho bản thân nhưng do chưa sử dụng hết nên vẫn còn lại một ít trong “*coóng*”. Đồng thời, khi P và D sử dụng, A không biết. Do đó, không đủ căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Hữu A về hành vi “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” nên CQĐT không đề cập xử lý trong vụ án này.

Về vật chứng:

- 01 (một) phong bì niêm phong tang vật do Phòng kỹ thuật hình sự (PC09) Công an TP.Hà Nội hoàn trả sau giám định (gói ma túy thu của Phùng Văn D)
- Số tiền: 1.000.000đ thu giữ của Nguyễn Hữu A.

- 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng, lắp sim số 0329.810.892 thu giữ của Phùng Văn D;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI màu đen đã cũ bên trong lắp sim số 0569.402.849 và 0342.768.314 thu giữ của Nguyễn Hữu A.

- 01 xe máy màu sơn trắng đen, BKS: 29V3 - 246.04 thu giữ của Lê Hải P.

Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã ra quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện B để bảo quản, chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số:123/2021/CT- VKS ngày 16 tháng 11 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện B để xét xử bị cáo Nguyễn Hữu A về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1, Điều 251 Bộ luật hình sự 2015.

Truy tố bị cáo Phùng Văn D về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1, Điều 249 BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa phát biểu luận tội, giữ nguyên nội dung như cáo trạng truy tố. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu A phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Về hình phạt, đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 251; điểm s, khoản 1, Điều 51, Điều 38 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu A từ 36 tháng đến 42 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Tuyên bố bị cáo Phùng Văn D phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Về hình phạt, đề nghị áp dụng điểm c khoản 1, Điều 249; điểm s, khoản 1, Điều 51, Điều 38 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Phùng Văn D từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy- 01 (một) phong bì niêm phong tang vật do Phòng kỹ thuật hình sự (PC09) Công an TP. Hà Nội hoàn trả sau giám định (gói ma túy thu của Phùng Văn D).

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*)
thu giữ của Nguyễn Hữu A. Trả lại cho Phùng Văn D số tiền: 700.000 đồng (*D*
cho A vay).

Tịch thu phát mại tài sản sung công quỹ Nhà nước:

01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng, lắp sim số
0329.810.892 thu giữ của Phùng Văn D.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI, màu đen đã cũ bên trong lắp sim
số 0569.402.849 và 0342.768.314 thu giữ của Nguyễn Hữu A.

Tuyên trả cho Lê Duy H: 01 xe máy màu sơn: trắng đen, BKS: 29V3 - 246.04
(Xe do P mượn).

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn
diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng
khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được
thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Về hành vi,
quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện B thành phố Hà Nội, Điều tra
viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá
trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định
tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý
kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người
tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,
người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Hữu A, Phùng Văn D thành khẩn
khai nhận hành vi phạm tội của mình. Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại

phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, người liên quan, biên bản thu giữ tang vật của CQĐT và các tài liệu chứng cứ thu thập được đã có trong hồ sơ vụ án. Như vậy HĐXX có đủ cơ sở xác định vào khoảng 18 giờ ngày 07/8/2021, tại đoạn đường gần cổng trường THCS xã C thuộc địa phận thôn Hạc Sơn, xã C, huyện B, Phùng Văn D đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,174 gam ma túy loại Methamphetamine. Nguồn gốc số ma túy trên do Nguyễn Hữu A bán cho D với giá 300.000đ với mục đích kiếm lời thì bị bắt quả tang. Do vậy, HĐXX đã có đầy đủ căn cứ khẳng định hành vi bị cáo Phùng Văn D thực hiện ngày 07/08/2021 đã phạm tội “ *Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015, đúng với nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Hành vi bị cáo Nguyễn Hữu A thực hiện ngày 07/08/2021 đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 251 Bộ luật hình sự 2015, đúng với nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

[2]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền về việc trao đổi chất ma túy của Nhà nước; xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Ma túy không những hủy hoại sức khỏe con người mà còn là nguyên nhân gây ra nhiều loại tội phạm khác trong xã hội. Do đó cần xử lý nghiêm đối với các bị cáo.

[3]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phùng Văn D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Nguyễn Hữu A có 01 tiền án chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội mới do lỗi cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Hữu A là người có nhân thân xấu nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp, lừa đảo tài sản, nghiện ma túy. Bị cáo Phùng Văn D có nhân thân tốt.

Xét tính chất của vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4]. Về hình phạt bổ sung:

Tại khoản 5, Điều 251 BLHS 2015 còn quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng. Xét thấy bị cáo Nguyễn Hữu A, Phùng Văn D không có công ăn việc làm ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Do vậy miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

Đối với Lê Hải P là người giúp A chở D đến gặp A mua bán ma túy song P không biết việc A cất giấu ma túy, không biết việc giao dịch mua bán ma túy cụ thể giữa A và D, không được hưởng lợi ích vật chất gì từ việc chở D. Do đó, CQĐT không đề cập xử lý trong vụ án là có căn cứ. Tuy nhiên, xét nghiệm tìm chất ma túy trong nước tiểu đối với Lê Hải P cho kết quả D tính với ma túy nên Công an huyện B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với P về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” bằng hình thức phạt “cảnh cáo”, đồng thời thông báo về địa P để theo dõi, quản lý là thỏa đáng. Nên không xem xét giải quyết.

Đối với việc P và D sử dụng ma túy tại nhà A, mặc dù số ma túy trên là của A song mục đích A mang ma túy ra là để sử dụng cho bản thân nhưng do chưa sử dụng hết nên vẫn còn lại một ít trong “coóng”. Đồng thời, khi P và D sử dụng, A

không biết. Do đó, không đủ căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Hữu A về hành vi “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” nên CQĐT không đề cập xử lý trong vụ án này là có căn cứ.

Về vật chứng vụ án: Cần Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong tang vật mang tên Phùng Văn D do Phòng kỹ thuật hình sự (PC09) - Công an TP. Hà Nội hoàn trả sau giám định.

Tịch thu phát mãi sung công quỹ Nhà nước :

- 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng, lắp sim số 0329.810.892 thu giữ của Phùng Văn D.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI màu đen đã cũ bên trong lắp sim số 0569.402.849 và 0342.768.314 thu giữ của Nguyễn Hữu A.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) thu giữ của Nguyễn Hữu A.

Trả lại cho Phùng Văn D số tiền: 700.000, đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*).

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát: 29V3- 246.04 là xe của anh Lê Duy H cho P mượn để sử dụng, anh H không biết việc P dùng để chở D. Vì vậy, tuyên trả cho Lê Duy H: 01 xe máy màu sơn trắng đen, BKS: 29V3 - 246.04 (Xe của H cho P mượn).

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Xử : Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Hữu A** phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Tuyên bố bị cáo **Phùng Văn D** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2/ Áp dụng: Khoản 1, Điều 251; Điểm s, khoản 1, Điều 51; Điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 38 BLHS năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hữu A 38 (Ba tám) tháng tù**. Thời hạn tù của bị cáo kể từ ngày 08/8/2021. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

*** Áp dụng:** Điểm c, Khoản 1, Điều 249; Điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Phùng Văn D 20 (Hai mươi) tháng tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ từ 07/8/2021 đến 13/8/2021. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3/ Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

*** Tịch thu tiêu hủy:** 01 (một) phong bì niêm phong (*có chứa chất ma túy thu giữ đã qua giám định*) tại các mép dán có chữ ký tên của đối tượng Phùng Văn D.

*** Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước:**

- 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng, lắp sim số 0329.810.892 thu giữ của Phùng Văn D;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI màu đen đã cũ bên trong lắp sim số 0569.402.849 và 0342.768.314 thu giữ của Nguyễn Hữu A;

*** Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền Nguyễn Hữu A bán ma túy 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).**

*** Tuyên trả cho Phùng Văn D số tiền: 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng)**

*** Trả lại cho anh Lê Duy H 01 xe máy màu sơn trắng đen, BKS: 29V3 - 246.04**

Cơ quan điều tra đã nộp tiền vào tài khoản số: 3949.0.1052741 tại Kho bạc Nhà nước huyện B ngày 21/12/2021.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện B và Chi cục thi hành án huyện B ngày 20/12/2021)

4/ Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Hữu A, Phùng Văn D mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 BLTTHS năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Hữu A, Phùng Văn D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Toạ phiên Tòa

Nơi nhận :

-TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- THA huyện B;
-Những người tham gia
Tổ tụng;
-Lưu HS.

Đặng Trung Thành

